

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2025/HS-ST**
Ngày: 13 - 01 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh.
2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Biện Việt Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2024/TLST - HS, ngày 08 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST - HS, ngày 28 tháng 11 năm 2024; thông báo mở lại phiên tòa số: 02/2025/TB-TA, ngày 02/01/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Công P, sinh năm 1984 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi thường trú: Số B, đường N, phường D, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 3, đường N, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh X, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; vợ: Mã Kim L, sinh năm 1986 (đã ly hôn); con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/01/2025 tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay: Có mặt.

Bị hại: Văn Thị O, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công P là chủ hộ kinh doanh bao bì Thành Công chuyên mua bán các sản phẩm từ cao su và nhựa. Nguyễn Công P thường xuyên bán hàng này cho bà Văn Thị O.

Ngày 19/01/2024, bà Văn Thị O sử dụng tài khoản Zalo có tên Xưởng Nhan Hoàng L1 đăng ký bằng số điện thoại 0348820969 nhắn tin vào tài khoản ZALO có tên Phan C đăng ký bằng số điện thoại 0903066987 của Nguyễn Công P để đặt mua hàng hóa là bao, bọc, bịch ni long. Đến ngày 22/01/2024 P dùng tài khoản Zalo của mình gửi tin nhắn qua tài khoản Zalo của bà O nội dung là hóa đơn bán lẻ cho bà O thể hiện số tiền bà O phải trả cho P để thanh toán cho đơn hàng là 16.600.000đ. Khoảng 05 giờ 45 phút, sáng ngày 23/01/2024 qua ứng dụng Mobile Banking trên địa thoại di động, bà O thực hiện thao tác chuyển khoản số tiền 16.600.000đ cho Phận. Tuy nhiên do nhầm lẫn, bà O đã chuyển nhầm thành số tiền 126.000.000đ sang số tài khoản 1903206142193, ngân hàng A do Nguyễn Công P đăng ký và sử dụng. Ngay sau khi thực hiện thành công giao dịch chuyển tiền, bà O phát hiện đã chuyển nhầm tiền cho P, thừa ra số tiền 109.400.000đ nên đã gọi cho P qua ứng dụng Zalo, thông báo cho P biết là bà đã chuyển nhầm số tiền 109.400.000đ và yêu cầu Phận chuyển trả lại ngay cho bà O số tiền thừa là 109.400.000đ. Nguyễn Công P kiểm tra thông tin tài khoản ngân hàng số 1903206142193 và xác nhận với bà O có sự việc chuyển nhầm số tiền nêu trên và nhắn tin đề nghị bà O cung cấp số tài khoản ngân hàng cá nhân của bà O để P chuyển trả lại số tiền thừa 109.400.000đ mà Phận đã nhận. Tuy nhiên, sau khi bà O nhắn số tài khoản, P không trả lại số tiền 109.400.000đ cho bà O và nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên. Trong 02 ngày 23/01/2024, 24/01/2024 Nguyễn Công P đã chuyển khoản toàn bộ số tiền mà bà Văn Thị O đã chuyển nhầm sang số tài khoản 060082444486, ngân hàng S của Nguyễn Công P rồi sử dụng vào mục đích trả nợ cho nhiều người và chi tiêu cá nhân.

Sau nhiều lần đòi lại số tiền đã chuyển nhầm nhưng Nguyễn Công P vẫn không trả tiền nên bà Văn Thị O đã đặt mua của Phận một đơn hàng vào ngày 19/02/2024 với số tiền 20.687.000đ và đề nghị cân trừ vào số tiền 109.400.000đ. Sau khi cân trừ số tiền 20.687.000đ, Phận vẫn còn chưa trả lại cho bà O số tiền 88.713.000đ. Từ tháng 01/2024 đến tháng 4/2024, bà O liên tục gọi điện thoại, nhắn tin cho P để đòi lại tiền, nhưng Phận vẫn tiếp tục lấy nhiều lý do để trì hoãn, hứa hẹn sẽ trả đủ số tiền 88.713.000đ cho bà O trước ngày 05/4/2024. Đến nay, Nguyễn Công P vẫn chiếm giữ trái phép số tiền 83.713.000đ của bà Văn Thị O.

Tại bản cáo trạng số: 77/CT - VKSND - TL, ngày 05/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đã truy tố bị cáo Nguyễn Công P về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh khẳng định bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Công P là

hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Công P phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng khoản 1 Điều 176 và điểm i, b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công P với mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Công P không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị hại Văn Thị O vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại. Căn cứ khoản 1 Điều 292 BLTTHS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại Văn Thị O là phù hợp.

[3] Về hành vi của bị cáo Nguyễn Công P:

Vào ngày 23/01/2024 bà Văn Thị O chuyển vào tài khoản số 1903206142193, ngân hàng A do Nguyễn Công P đăng ký sử dụng số tiền 16.600.000đ để thanh toán tiền mua hàng hóa là bao, bọc, bịch ni lông; nhưng bà Văn Thị O chuyển nhầm thành số tiền 126.000.000đ. Sau đó, bà Văn Thị O đã liên hệ với Nguyễn Công P để yêu cầu hoàn trả lại số tiền dư là 109.400.000đ, nhưng Nguyễn Công P không thực hiện.

Đến ngày 19/02/2024 bà Văn Thị O mua thêm một hóa đơn hàng trị giá 20.687.000đ. Các bên thỏa thuận khấu trừ vào số tiền còn dư của bà Văn Thị O mà Nguyễn Công P đang giữ. Số tiền còn lại là 88.713.000đ bà Văn Thị O yêu cầu Nguyễn Công P phải hoàn trả lại, nhưng Nguyễn Công P vẫn chiếm giữ của bà Văn Thị O.

Xét thấy: Sau khi phát hiện chuyển nhầm tiền, bà Văn Thị O đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Nguyễn Công P yêu cầu trả lại tiền. Thế nhưng, do không có tiền tiêu xài và trả nợ nên Nguyễn Công P đã cố tình chiếm giữ, không hoàn trả lại cho bà Văn Thị O số tiền dư do chuyển khoản nhầm là 88.713.000đ. Hành vi của

Nguyễn Công P đã phạm vào tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 176 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Công P không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Công P đã thành khẩn khai báo. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã hoàn trả lại cho bị hại số tiền 88.713.000đ để bồi thường thiệt hại. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cho nên, bị cáo Nguyễn Công P được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét thấy: Hành vi của Nguyễn Công P là nguy hiểm cho xã hội; gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Mặc dù, bị hại đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bị cáo hoàn trả lại tiền nhưng bị cáo vẫn cố tình chiếm giữ trong thời gian dài. Điều đó, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Cho nên, cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do đó, chỉ cần áp dụng hình phạt tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 176 BLHS để xử phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về án phí: Cần buộc bị cáo Nguyễn Công P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công P phạm tội: “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 176; các điểm i, b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công P: 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 08/01/2025.

3. Về án phí:

Căn cứ vào: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Công P phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/01/2025). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- + Cấp theo Điều 262 BLTTHS:
- Bị cáo; bị hại.
- VKSND huyện;
- CQCSĐT C.A huyện;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện;
- Nhà tạm giữ - CA huyện;
- UBND phường Hiệp Tân (Thay T/B) ;
- Sở TP T. Bình Thuận;
- C.C T.H.A DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Yến